

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**

**HUYỆN T**

**TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản số: 94/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14-4-2023

Về việc: “Xin ly hôn” .

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Bích Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Bà Phạm Thị Tuyết Mai

- Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Trần Trọng Khánh – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

*Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 345/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc: “Xin Ly hôn” Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2023/QĐXXST -HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Bích L, sinh năm 1978, có mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Công L1, sinh năm 1975, có mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại các bản khai biên bản hòa giải, biên bản công khai chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trần Thị Bích L trình bày:* Giữa chị và anh Nguyễn Công L1 tự nguyện tìm hiểu nhau rồi đi đến hôn nhân vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph ngày 29-5-2006. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân do anh L1 đánh chị, hăm dọa giết chị, ngoài ra anh còn ham mê bài bạc,

không lo cuộc sống cho vợ con được đủ đầy như bao người cha khác. Tình trạng này cứ kéo dài, sống chung chị rất bất an nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ chị rồi thuê nhà ở riêng, vợ chồng ly thân nhau từ đó đến nay, không ai quan tâm ai. Nay xét thấy giữa chị và anh L1 không thể hòa hợp hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L1. Về quan hệ con chung: Giữa chị và anh L1 có 02 con chung tên là Nguyễn Trần V, sinh ngày 28-5-2005 và Nguyễn Trần L3, sinh ngày 23-01-2014, hiện nay cháu V đang ở với anh L1, cháu L3 đang ở với chị. Nếu Tòa giải quyết cho ly hôn chị xin nhận nuôi cháu L3, giao cháu V cho anh L1. Chị yêu cầu anh L1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu L3 mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi, còn cháu V chưa đủ tuổi nhưng đã nghỉ học và đi làm tự nuôi sống bản thân. Về quan hệ tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chị có tạo lập được ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên thửa đất số 713, tờ bản đồ số 19, diện tích 181m<sup>2</sup> đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại Thôn B, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định, đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng chị, hiện chị đang giữ sổ đỏ. Khi Tòa giải quyết cho ly hôn thì yêu cầu chia đôi theo pháp luật. Tại Phiên tòa nếu anh L1 không nhận nhà và đất thì chị xin nhận và sẽ thối lại cho anh L1 216.000.000đ. Về nợ chung thì chị không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng. Ngoài ra chị L không có yêu cầu nào khác.

*Tại các bản khai biên bản hòa giải, biên bản công khai chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Công L1 trình bày:* Anh thống nhất như ý kiến trình bày của chị L về quá trình kết hôn, chung sống và con chung. Nhưng về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến ly hôn như ngày hôm nay thì chị L khai không đúng, mà do anh bị bệnh tai biến thần kinh số 7 và số 3, nên chị L bỏ nhà đi, rồi viết đơn ly hôn. Bản thân anh cũng có cờ bạc nhưng hoàn toàn không đánh vợ vì anh rất thương yêu vợ con. Khi chị L đưa đơn anh vẫn còn rất thương vợ, mong muốn chị L quay về đoàn tụ, nhưng cho đến nay chị L vẫn kiên quyết đòi ly hôn thì anh đồng ý ly hôn. Về quan hệ nuôi con chung: Giữa anh và chị L có 02 con chung như chị L trình bày và yêu cầu. Nếu Tòa cho ly hôn thì anh xin nhận nuôi 02 con không yêu cầu chị L cấp dưỡng. Còn nếu chị L nuôi cháu L3 thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi cháu L3 đủ 18 tuổi. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng anh có tạo lập được ngôi nhà và đất tại Thôn B, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định như chị L đã khai. Thửa đất này khi nhà nước xét giao cho vợ chồng anh thì có xem xét anh thuộc diện bộ đội xuất ngũ trở về địa phương được xem là diện ưu tiên. Trước đây tại các bản khai và phiên hòa giải anh L1 xin nhận nhà và đất nói trên, anh đồng ý thối lại cho chị L ½ giá trị theo Hội đồng định giá đã xác định. Tuy nhiên tại phiên tòa anh L1 không đồng ý chia nhà đất, anh muốn vẫn giữ nguyên để cho con anh ở, anh L1 cũng

không đồng ý nhận nhà, cũng không đồng ý thôi tiền cho chị L và cũng không đồng ý giao nhà cho chị L. Đồng thời tại phiên tòa anh L1 lúc đầu có khai vợ chồng anh có 02 chiếc xe máy, anh đi 01 chiếc, chị Liên đi một chiếc, mà xe chị L đi là xe WAYRS của vợ chồng mua cách đây 12 năm, còn xe anh đi mua trước khi kết hôn nên anh yêu cầu chị L trả xe cho anh. Ngoài ra anh L1 còn khai trong thời gian sống chung chị L có lấy đồ nghề của anh bán khoản 30.000.000đ, bán trong thời gian vợ chồng còn chung sống nên anh yêu cầu chị L trả lại số tiền trên cho anh. Sau đó quá trình xét hỏi thì anh L1 không yêu cầu trả xe và không đòi số tiền chị L đã bán đồ nghề. Về nợ chung: Hiện tại vợ chồng anh không nợ ai và cũng không ai nợ mình. Ngoài ra anh L1 không có yêu cầu nào khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ mọi thủ tục đảm bảo thời hạn xét xử, xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng trình tự thủ tục phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 27, 37, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Ghi nhận thuận tình ly hôn giữa chị L và anh L1. Ghi nhận sự thỏa thuận của anh L1 chị L thống nhất giao con chung, Nguyễn Trần Lập, sinh ngày 23-01-2014 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Trần V, sinh ngày 28-5-2005 cho anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu L3 1.500.000đ /tháng. Về tài sản chung: Giao nhà và đất thửa 713, tờ bản đồ số 19, diện tích 181m<sup>2</sup> đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại Thôn B, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định cho chị L, chị L tự nguyện thôi lại cho anh L1 216.000.000đ theo một phần giá trị ngôi nhà và đất nói trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh L1 tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Bích L khởi kiện xin ly hôn với Bị đơn là anh Nguyễn Công L1 có nơi cư trú tại Thôn B, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định nên đây là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định theo Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2].1 Xét về yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh L1 thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Về hôn nhân giữa chị Trần Thị Bích L và anh Nguyễn Công L1 là tự

nguyên chung sống năm 2004, có đăng ký kết hôn ngày 29-5-2006 tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa chị L và anh L1 đã phát sinh mâu thuẫn, chị L và anh L1 không còn chung sống với nhau hơn 01 năm. Nay chị L xét thấy tình cảm không còn nên xin ly hôn với anh L1 thì anh L1 đồng ý ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 55 Luật hôn nhân và gia đình ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của chị L và anh L1.

[2].2 Về quan hệ nuôi con chung: Giữa chị L với anh L1 có 02 con chung tên: Nguyễn Trần L3, sinh ngày 23-01-2014, đang ở với chị L, Nguyễn Trần V, sinh ngày 28-5-2005, đang ở với anh L1. Nay ly hôn chị L và anh L1 thống nhất thỏa thuận giao cháu L3 cho chị L, giao cháu V cho anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các con. Về cấp dưỡng nuôi con: anh L1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu L3 mỗi tháng 1.500.000đ, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 05 năm 2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện về việc nuôi dưỡng và chăm sóc con chung của chị L và anh L1.

[2].3 Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh L1 đều thừa nhận ngôi nhà gắn liền với đất có giới cận: Đông giáp Nguyễn Văn Tuấn, Tây giáp Nguyễn Kim Hùng, Nam giáp đường đi và gò, Bắc giáp đường quy hoạch, thuộc thửa đất số 713, tờ bản đồ số 19, diện tích 181m<sup>2</sup> đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại Thôn B, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản chung của vợ chồng. Chị L và anh L1 đều thừa nhận, khi nhà nước xét giao thửa đất này cho vợ chồng anh chị thì có xem xét tính ưu tiên anh L1 vì anh L1 là bộ đội xuất ngũ trở về địa phương. Nên khi xét chia tài sản chung của vợ chồng cần tính một phần vì công sức phục vụ tổ quốc của anh L1 đã tạo nên tài sản này để chia cho anh L1 phần hơn. Tuy nhiên tại phiên tòa anh L1 không đồng ý chia, cũng không đồng ý nhận nhà thối tiền cho chị L theo luật định mà chị L tự nguyện xin nhận nhà đất và thối lại 216.000.000đ cho anh L1 là phù hợp nên được chấp nhận. Bởi vì chị L tự nguyện giao nhà đất cho anh L1 để anh L1 thối lại cho chị 150.000.000đ nhưng anh L1 không đồng ý nhận mà muốn để lại cho con, mà đây là tài sản chung của vợ chồng nên chị L có quyền yêu cầu chia, chị L tự nguyện thối cho anh L1 216.000.000đ là nhiều hơn  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản chung theo giá trị Hội đồng định giá đã xác định tổng cộng là 364.462.000đ, là phù hợp với công sức mà anh L1 tạo nên tài sản chung này. Do đó, Hội đồng xét xử giao nhà và đất thuộc thửa đất số 713, tờ bản đồ số 19, diện tích 181m<sup>2</sup> đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại Thôn B, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định cho chị L và buộc chị Liên thối lại giá trị cho anh L1 là 216.000.000đ.

Phần 02 chiếc xe máy và 30.000.000đ tiền bán đồ nghề, tại phiên tòa anh L1, chị L đề nghị Tòa không giải quyết nên Tòa không xét.

Về nợ chung: Cả anh L1 và chị L đều thống nhất không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[3] Về chi phí định giá tài sản: Chị L và anh L1 phải chịu mỗi người 2.500.000đ, chị L đã nộp 5.000.000đ nên anh L1 phải hoàn lại cho chị L 2.500.000đ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn, anh L1 phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng, buộc anh L1, chị L mỗi người phải chịu 5% phần tài sản được chia. Tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp được khấu trừ vào tiền án phí.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng: Điều 228, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn chị Trần Thị Bích L và anh Nguyễn Công L1.

[2] Về quan hệ nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị L với anh L1 giao con chung tên là Nguyễn Trần V, sinh ngày 28-5-2005 cho anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng ; giao con chung tên là Nguyễn Trần L3, sinh ngày 23-01-2014 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng; hiện cháu L3 đang ở chị L, cháu Vđang ở cùng anh L1. Về cấp dưỡng nuôi con: anh L1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu L3 mỗi tháng 1.500.000đ, thời gian cấp dưỡng bắt đầu tính là tháng 5 năm 2023 cho đến khi cháu L3 đủ 18 tuổi. Bên không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại và thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như tiền cấp dưỡng nuôi con.

[3] .1 Về quan hệ tài sản chung: Giao nhà và đất thửa 713, tờ bản đồ số 19, diện tích 181m<sup>2</sup> đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại Thôn B, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định, có giới cận Đông giáp Nguyễn Văn Tuấn, Tây giáp Nguyễn Kim Hùng, Nam giáp đường đi và gò, Bắc giáp đường quy hoạch, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BI 305117, số vào sổ cấp GCN: CH01115 ngày 22-12-2011, đứng tên đăng ký anh Nguyễn Công L1 và chị Trần Thị Bích L cho chị Trần Thị Bích L trọn quyền sở hữu và sử dụng. Buộc

chị L thối lại một phần giá trị tài sản chung cho anh L1 là 216.000.000đ (Hai Trăm mười sáu triệu đồng).

Phần 02 chiếc xe máy và 30.000.000đ tiền bán đồ nghề, anh L1 và chị L đề nghị Tòa không giải quyết nên Tòa không xét.

[3].2 Về nợ chung: Tòa không xét.

[4]. Về chi phí định giá tài sản: Chị L và anh L1 phải chịu mỗi người 2.500.000đ, chị L đã nộp 5.000.000đ nên anh L1 phải hoàn lại cho chị L 2.500.000đ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn, anh L1 phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng, buộc anh L1 phải chịu 10.800.000đ, chị L phải chịu 7.423.000đ. Tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 7.800.000đ theo các biên lai thu tiền số 0006468, 0006469, ngày 28-10-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được khấu trừ vào tiền án phí, nên hoàn lại cho chị L 77.000đ.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 14-4-2023).

*Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành. Nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ đã tuyên thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận :**

-Các bên đương sự  
-VKSND huyện T  
-Chi cục THADS huyện T  
-Phòng GDKT TAND tỉnh Bình Định .  
-UBND xã Ph  
Số 02, ngày 29-5-2006)  
-Lưu hồ sơ .

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Bích Thủy**